

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Phan Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số nhà A, đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

+ Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

+ Ông Võ Văn M (tên gọi khác: N), sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Vào tháng 01 năm 2020, bà Nguyễn Thị D có hợp đồng mua bán với bà Lê Thị Mỹ T và ông Võ Văn M, hợp đồng chỉ bằng lời nói tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà D có bán cho vợ chồng bà T, ông M số mía 34 công, giá hai bên thỏa thuận là 6.000.000 đồng/công đối với mía xấu và 7.000.000 đồng/công đối với mía tốt. Đón mía đến đâu thì thanh toán tiền đến đó. Vợ chồng ông M, bà T đã đưa tiền cọc trước cho bà D là 20.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 4/2020 âm lịch, vợ chồng ông M, bà T đã đón hết 34 công mía, sau khi trừ tiền cọc xong thì ông M, bà T phải thanh toán cho bà D là 64.500.000 đồng nhưng bà T, ông M không thanh toán ngay cho bà D mà hứa sau ba ngày khi đo lại diện tích đất xong sẽ thanh toán nhưng sau ba ngày khi đo lại diện tích đất xong thì bà T, ông M lại tránh mặt không trả số tiền còn nợ cho bà D.

Đến ngày 27/7/2020, bà T có đến gặp bà D và hứa sẽ trả dần cho bà D số tiền còn nợ trong thời gian ba tháng, đồng thời có lập giấy nhận nợ cho bà D có chữ ký của bà T. Tuy nhiên, bà D đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T, ông M thanh toán tiền nợ nhưng bà T, ông M cứ hẹn mà không trả tiền cho bà D.

Bà D yêu cầu buộc bà Lê Thị Mỹ T và ông Võ Văn M có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền nợ mua mía là 64.500.000 đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị D trình bày quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà Lê Thị Mỹ T đã trả cho bà D số tiền 11.600.000 đồng nên bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Mỹ T và ông Võ Văn M có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền nợ mua mía là 52.900.000 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày: Vào tháng 02/2020, bà T có hợp đồng mua mía của bà D, khi hợp đồng mua mía hai bên không có lập thành văn bản mà chỉ hợp đồng bằng lời nói tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà T mua mía của bà D với số mía là 34 công, giá mua mía xấu là 6.000.000 đồng/công, giá mua mía tốt là 7.000.000 đồng/công, hình thức thanh toán tiền là mua mía đến đâu thanh toán tiền đến đó. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã trả cho bà D số tiền 11.600.000 đồng nên hiện nay bà T còn nợ bà D số tiền mua mía là 52.900.000 đồng, ông M không có mua mía của bà D mà ông M đi theo bà T để mua mía của bà T mang đi bán lại cho các hộ bán nước mía chứ ông M không có liên quan gì đến hợp đồng mua mía của bà T với bà D. Bà T đồng ý trả cho bà D số tiền 52.900.000 đồng nhưng hiện nay do hoàn cảnh gặp khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn M trình bày: Ông M không có hợp đồng mua bán mía với bà D. Trước đây ông M có cùng bà T hợp đồng đi mua mía các hộ dân nhưng đến tháng 02/2019 ông M không tiếp tục

đi mua mía với bà T nên ông M không có mua mía của bà D mà chỉ có bà T mua mía của bà D nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Võ Văn M (tên gọi khác N) chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lê Thị Mỹ T trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D số tiền 52.900.000 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng), đối với yêu cầu của bà D yêu cầu ông M cùng bà T phải hoàn trả cho bà D số tiền mua bán mía là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/01/2021, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ T, ông Võ Văn M cư trú tại ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang nhưng khi các đương sự thực hiện hợp đồng tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Văn M và bà Lê Thị Mỹ T. Tòa án tiến hành lấy lời khai bà T thì bà T xác định giữa bà và bà D có hợp đồng mua bán mía như bà D trình bày nhưng ông M không có mua mía của bà D mà chỉ bà T mua mía của bà D, bà T còn nợ bà D số tiền mía là 52.900.000 đồng. Bà T đồng ý trả tiền 52.900.000 đồng cho bà D. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử xác định tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện bà D không cần phải chứng minh.

[4]. Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khi hai bên tiến hành hợp đồng mua bán mía thì thỏa thuận đơn mía đến đâu sẽ trả tiền đến đó. Khi mua bán nguyên đơn bà D đã giao tài sản cho bị đơn bà T và bị đơn bà T đã nhận tài sản xong nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bị đơn bà Lê Thị Mỹ T phải trả tiền mua mía của bà D là 52.900.000 đồng theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày có bán mía cho ông Võ Văn M là chồng của bà T nhưng bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và tại phiên tòa bà D cũng xác định ông M không phải là chồng của bà T. Trong quá trình làm việc ông M cung cấp tài liệu thể hiện không phải là chồng của bà T và ông M trình bày ông không có mua mía của bà D, Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu bà D cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà có hợp đồng mua bán mía với ông M nhưng bà D không cung cấp được và yêu cầu Tòa án ra quyết định thu thập tài liệu chứng cứ tại Công an xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang nhưng theo các văn bản Công an xã H cung cấp thì không thể hiện việc bà D có hợp đồng mua bán mía với ông M, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị D thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị Mỹ T và ông Võ Văn M có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền nợ mua mía là 52.900.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của bà Lê Thị Mỹ T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D và bà Lê Thị Mỹ T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Buộc bà Lê Thị Mỹ T trả cho bà D số tiền là 52.900.000 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu buộc ông Võ Văn M (tên gọi khác N) cùng với bà Lê Thị Mỹ T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 52.900.000 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 2.645.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu ông M trả tiền cho bà D không được Tòa án chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.612.000 đồng (một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007011 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà D được nhận lại số tiền 1.312.000 đồng (một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D và bà Lê Thị Mỹ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Võ Văn M (tên gọi khác N) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng